

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra tỉnh Bình Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3164/QĐ-TTTP ngày 26/12/2017 của Tổng Thanh tra Chính phủ công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh Bình Định tại Văn bản số 275/TTT-VP ngày 04/6/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

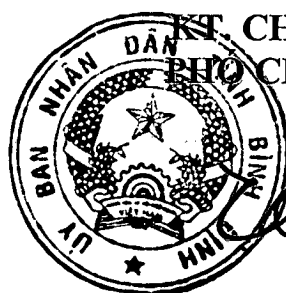
Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra tỉnh Bình Định theo Quyết định số 3164/QĐ-TTTP ngày 26/12/2017 của Tổng Thanh tra Chính phủ (*Phụ lục 1 kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 4404/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc công bố 19 TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra tỉnh dưới hình thức “bản sao y bản chính” theo Quyết định số 1585/QĐ-TTTP ngày 21/6/2016 của Tổng Thanh tra Chính phủ (*Phụ lục 2 kèm theo*).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

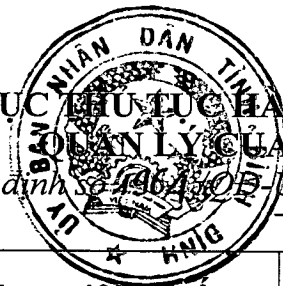
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Thanh tra Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- TT Công báo; TT Tin học;
- Lưu: VT, P. KSTTHC.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Cao Thắng



Phụ lục 1

DANH MỤC THU LỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
ĐIỀU LÝ CỦA THANH TRA TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Ban hành theo Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 08/ 6 /2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	TTHC lĩnh vực giải quyết khiếu nại				
1	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.	- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: UBND tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Thanh tra tỉnh, Thanh tra Sở, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Không	- Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011 - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại - Thông tư số 07/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính - Thông tư số 02/2016/TT-TTCTP ngày 20/10/2016 của Tổng Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính

1 *Khưu*

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết	- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: UBND cấp huyện - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp huyện - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Thanh tra cấp huyện, Phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	Không	- Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011 - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ - Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Tổng Thanh tra Chính phủ - Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Tổng Thanh tra Chính phủ
3	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ	- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: UBND cấp xã - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã - Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã	Không	- Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011 - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ - Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Tổng Thanh tra Chính phủ

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		ngày thụ lý để giải quyết. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết			- Thông tư số 02/2016/TT-TTCTP ngày 20/10/2016 của Tổng Thanh tra Chính phủ
4	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết	- <i>Cơ quan có thẩm quyền giải quyết:</i> UBND tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh - <i>Người có thẩm quyền quyết định:</i> Chủ tịch UBND tỉnh, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh - <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Thanh tra tỉnh, Thanh tra Sở, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Không	- Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011 - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ - Thông tư số 07/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013 của Tổng Thanh tra Chính phủ - Thông tư số 02/2016/TT-TTCTP ngày 20/10/2016 của Tổng Thanh tra Chính phủ

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		khieu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý			
5	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý	- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: UBND cấp huyện - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp huyện - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Thanh tra cấp huyện, Phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	Không	- Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011 - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ - Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Tổng Thanh tra Chính phủ - Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Tổng Thanh tra Chính phủ

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
II	TTHC lĩnh vực giải quyết tố cáo				
1	Giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh	Thời hạn giải quyết tố cáo là 60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.	- <i>Cơ quan có thẩm quyền giải quyết:</i> UBND tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh - <i>Người có thẩm quyền quyết định:</i> Chủ tịch UBND tỉnh, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh - <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Thanh tra tỉnh, Thanh tra Sở, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Không	- Luật Tố cáo số 03/2011/QH13 ngày 11/11/2011 - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tố cáo - Thông tư số 06/2013/TT-TTCTP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo
2	Giải quyết tố cáo tại cấp huyện	Thời hạn giải quyết tố cáo là 60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia	- <i>Cơ quan có thẩm quyền giải quyết:</i> UBND cấp huyện - <i>Người có thẩm quyền quyết định:</i> Chủ tịch UBND cấp huyện - <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Thanh tra cấp huyện, Phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	Không	- Luật Tố cáo số 03/2011/QH13 ngày 11/11/2011 - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ - Thông tư số 06/2013/TT-TTCTP ngày 30/9/2013 của Tổng Thanh tra Chính phủ

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày			
3	Giải quyết tố cáo tại cấp xã	Thời hạn giải quyết tố cáo là 60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.	- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: UBND cấp xã - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã - Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã	Không	- Luật Tố cáo số 03/2011/QH13 ngày 11/11/2011 - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ - Thông tư số 06/2013/TT-TTCT ngày 30/9/2013 của Tổng Thanh tra Chính phủ
III	TTHC lĩnh vực Tiếp công dân				
1	Tiếp công dân tại cấp tỉnh	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản	- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Không	- Luật tiếp công dân 42/2013/QH13 ngày 25/11/2013 - Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011

Khưu
6

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		ánh, người có trách nhiệm tiếp công dân phải trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản về kết quả xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đến công dân đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo đúng quy định về trình tự thực hiện	- <i>Người có thẩm quyền quyết định:</i> Chủ tịch UBND tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh - <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Ban tiếp công dân tỉnh; Bộ phận tiếp công dân của Thanh tra tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh		- Luật Tổ cáo số 03/2011/QH13 ngày 11/11/2011 - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiếp công dân - Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Tổng Thanh tra Chính phủ
2	Tiếp công dân tại cấp huyện	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người có trách nhiệm tiếp công dân phải trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản về kết quả xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đến công dân đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo đúng quy	- <i>Cơ quan có thẩm quyền giải quyết:</i> UBND cấp huyện, Thanh tra cấp huyện, Phòng, ban chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện - <i>Người có thẩm quyền quyết định:</i> Chủ tịch UBND cấp huyện, Chánh Thanh tra cấp huyện, Thủ trưởng phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện - <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Ban tiếp công dân cấp huyện,	Không	- Luật tiếp công dân 42/2013/QH13 ngày 25/11/2013 - Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011 - Luật Tổ cáo số 03/2011/QH13 ngày 11/11/2011 - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		định về trình tự thực hiện	Thanh tra cấp huyện; Phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.		điều của Luật tiếp công dân - Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Tổng Thanh tra Chính phủ
3	Tiếp công dân tại cấp xã	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người có trách nhiệm tiếp công dân phải trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản về kết quả xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đến công dân đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo đúng quy định về trình tự thực hiện	- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: UBND cấp xã - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã	Không	- Luật tiếp công dân 42/2013/QH13 ngày 25/11/2013 - Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011 - Luật Tố cáo số 03/2011/QH13 ngày 11/11/2011 - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiếp công dân - Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Tổng Thanh tra Chính phủ

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
IV	TTHC lĩnh vực Xử lý đơn				
1	Xử lý đơn tại cấp tỉnh	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ban tiếp công dân tỉnh, Bộ phận xử lý đơn thư thuộc Thanh tra tỉnh và cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Không	- Luật tiếp công dân 42/2013/QH13 ngày 25/11/2013 - Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011 - Luật Tố cáo số 03/2011/QH13 ngày 11/11/2011 - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ - Thông tư số 07/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh
2	Xử lý đơn tại cấp huyện	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: UBND cấp huyện, Thanh tra cấp huyện, Phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp	Không	- Luật tiếp công dân 42/2013/QH13 ngày 25/11/2013 - Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011 - Luật Tố cáo số 03/2011/QH13 ngày 11/11/2011 - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP

9/10/2015

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			huyện, Chánh Thanh tra cấp huyện, Thủ trưởng Phòng, ban thuộc UBND cấp huyện. - <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Ban tiếp công dân cấp huyện, Thanh tra cấp huyện, Phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện		ngày 03/10/2012 của Chính phủ - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ - Thông tư số 07/2014/TT-TTCTP ngày 31/10/2014 của Tổng Thanh tra Chính phủ
3	Xử lý đơn tại cấp xã	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	- <i>Cơ quan có thẩm quyền giải quyết:</i> UBND cấp xã - <i>Người có thẩm quyền quyết định:</i> Chủ tịch UBND cấp xã. - <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> UBND cấp xã.	Không	Luật tiếp công dân 42/2013/QH13 ngày 25/11/2013 - Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011 - Luật Tố cáo số 03/2011/QH13 ngày 11/11/2011 - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ - Thông tư số 07/2014/TT-TTCTP ngày 31/10/2014 của Tổng Thanh tra Chính phủ

Chrau

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
V. TTHC lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng					
1	Thủ tục thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập	Thời gian kê khai chậm nhất là ngày 30 tháng 11 hàng năm; việc kê khai tài sản, thu nhập phải hoàn thành chậm nhất là ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc giao nhận Bản kê khai phải hoàn thành chậm nhất vào ngày 31 tháng 03 của năm sau.	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện tổ chức triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập.	Không	- Luật phòng, chống tham nhũng số 55/2005/QH11 ngày 29/11/2005 - Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập - Thông tư số 08/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013 của Tổng Thanh tra Chính phủ, hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập
2	Thủ tục công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập	Thời điểm công khai được thực hiện trong khoảng thời gian từ sau khi hoàn thành việc kiểm tra Bản kê khai quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 08/2013/TT-TTCTP đến ngày 31 tháng 3 hàng năm.	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện tổ chức triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập	Không	- Luật phòng, chống tham nhũng số 55/2005/QH11 ngày 29/11/2005 - Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ - Thông tư số 08/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013 của Tổng Thanh tra Chính phủ
3	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	Thời hạn xác minh là 15 ngày làm việc, trường hợp phức tạp thì thời hạn tối đa không quá 30 ngày làm việc.	Cơ quan thanh tra nhà nước các cấp, bộ phận tổ chức cán bộ trong các cơ quan thuộc Chính phủ, bộ phận phụ trách công tác thanh tra nội bộ, tổ chức cán bộ trong các doanh nghiệp nhà nước.	Không	- Luật phòng, chống tham nhũng số 55/2005/QH11 ngày 29/11/2005 - Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ - Thông tư số 08/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013 của Tổng Thanh tra Chính phủ

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
4	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	Thời hạn ra thông báo tiếp nhận hoặc từ chối giải trình: 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu giải trình	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước và người có trách nhiệm thực hiện việc giải trình	Không	- Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao - Thông tư số 02/2014/TT-TTCT ngày 29/4/2014 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013
5	Thủ tục thực hiện việc giải trình	Thời hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình. Trường hợp có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn thời gian giải trình. Thời gian gia hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày, kể từ ngày gia hạn và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình.	Cơ quan hành chính nhà nước các cấp, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước có trách nhiệm thực hiện việc giải trình	Không	- Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ - Thông tư số 02/2014/TT-TTCT ngày 29/4/2014 của Tổng Thanh tra Chính phủ



Phụ lục 2

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ THAY THẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ

CHỦ TỊCH TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Ban hành theo Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại				
1	TTR-BDI-2	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	- Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011 - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ - Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Tổng Thanh tra Chính phủ - Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Tổng Thanh tra Chính phủ	
2	TTR-BDI-3	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện		
3	TTR-BDI-4	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã		
4	TTR-BDI-6	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần 2 tại cấp tỉnh		
5	TTR-BDI-7	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần 2 tại cấp huyện		
II. Lĩnh vực giải quyết tố cáo				
1	TTR-BDI-9	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh	- Luật Tố cáo số 03/2011/QH13 ngày 11/11/2011 - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ - Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Tổng Thanh tra Chính phủ	
2	TTR-BDI-10	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp huyện		
3	TTR-BDI-11	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã		
III. Lĩnh vực Tiếp công dân				

K. Đào

1	TTR-BDI-13	Thủ tục tiếp công dân tại cấp tỉnh	- Luật tiếp công dân 42/2013/QH13 ngày 25/11/2013 - Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011 - Luật Tố cáo số 03/2011/QH13 ngày 11/11/2011 - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ - Thông tư số 06/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014 của Tổng Thanh tra Chính phủ
2	TTR-BDI-14	Thủ tục tiếp công dân tại cấp huyện	
3	TTR-BDI-15	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	
IV. Lĩnh vực Xử lý đơn			
1	TTR-BDI-20	Thủ tục xử lý đơn tại cấp tỉnh	- Luật tiếp công dân 42/2013/QH13 ngày 25/11/2013 - Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011 - Luật Tố cáo số 03/2011/QH13 ngày 11/11/2011 - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ
2	TTR-BDI-21	Thủ tục xử lý đơn tại cấp huyện	
3	TTR-BDI-22	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	

			- Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Tổng Thanh tra Chính phủ	
V. Lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng				
1	TTR-BDI-16	Thủ tục thực hiện việc kê khai tài sản thu nhập	- Luật phòng, chống tham nhũng số 55/2005/QH11 ngày 29/11/2005	
2	TTR-BDI-17	Thủ tục công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập	- Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ	
3	TTR-BDI-18	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	- Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Tổng Thanh tra Chính phủ	
4	TTR-BDI-27	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	- Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ	
5	TTR-BDI-28	Thủ tục thực hiện việc giải trình	- Thông tư số 02/2014/TT-TTCP ngày 29/4/2014 của Tổng Thanh tra Chính phủ	

1 Chau